

Số: 321/2019/QĐST-HNGĐ

S, ngày 10 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 48/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1966.

- **Bị đơn:** Bà Đàm Thị N, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang, Phòng giao dịch huyện S – Do ông Ông Phạm Văn L, Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện S đại diện theo ủy quyền.

Căn cứ vào các **Điều 212, 213** Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn ông Lưu Văn Đ và bị đơn bà Đàm Thị N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Đ, bà N cùng xác định có 02 (hai) con chung là Lưu Văn Đ1, sinh năm 1993 và Lưu Thị P, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung

của ông bà đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định tự thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất và các tài sản khác theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung khi ly hôn ngày 16/8/2019, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Ông Lưu Văn Đ có trách nhiệm trả nợ cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang, Phòng giao dịch huyện S số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và lãi suất, theo sổ vay vốn mã khách hàng số 2300096283 ngày 18/10/2017.

- Về án phí: Ông Lưu Văn Đ phải nộp 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000734, ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho ông Đ 3.850.000đ (*Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Đàm Thị N không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế